

BÀI 27: NGUYÊN SINH VẬT

Môn học: KHTN/ Sinh – Lớp 6

Ngày soạn: 30/11/2023; Tiết (theo PPCT): 28,29,30,31,32

Thời gian thực hiện: 05 tiết

I- MỤC TIÊU: Qua bài này, HS cần đạt được:

1. Kiến thức

- Dựa vào hình thái nhận biết được một số đại diện nguyên sinh vật trong tự nhiên (ví dụ: trùng roi, trùng đế giày, trùng biến hình, tảo silic, tảo lục đơn bào, ...).
- Nêu được sự đa dạng của nguyên sinh vật.
- Nêu được một số bệnh do nguyên sinh vật gây nên. Trình bày được cách phòng và chống bệnh do nguyên sinh vật gây ra.

2. Năng lực

2.1. Năng lực khoa học tự nhiên

- Quan sát hình ảnh một số nguyên sinh vật rút ra được hình dạng, đặc điểm cấu tạo và khái niệm về nguyên sinh vật.
- Vẽ đẹp và chú thích đúng cấu tạo của trùng giày, tảo lục đơn bào,...
- Làm bài thuyết trình powerpoint, sơ đồ cây, sơ đồ tư duy, bảng biểu... về nguyên nhân, biểu hiện, con đường lây truyền và biện pháp phòng chống bệnh sốt xuất huyết và bệnh kiết lị.
- Vẽ được sơ đồ thể hiện con đường truyền bệnh kiết lị, bệnh sốt rét.
- Viết một bài tuyên truyền bạn bè và người thân trong gia đình về lợi ích của việc thực hiện an toàn vệ sinh thực phẩm trong việc phòng chống bệnh kiết lị.

2.2. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: Tìm hiểu thông tin SGK, tài liệu tham khảo, Internet về nguyên nhân, con đường lây truyền và một số biện pháp phòng chống bệnh sốt rét, bệnh kiết lị thông qua hoạt động tìm hiểu về bệnh do nguyên sinh vật gây ra.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm, thuyết trình, phản biện thông qua hoạt động tìm hiểu về hình dạng và đặc điểm cấu tạo, bệnh do nguyên sinh vật gây ra .

3. Phẩm chất

- Chăm học, chịu khó nghiên cứu thông tin trong sgk, tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ cá nhân nhằm tìm hiểu về hình dạng, cấu tạo và các biện pháp phòng chống bệnh do nguyên sinh vật gây ra.
- Biết cách bảo vệ bản thân, tuyên truyền và vận động người thân chủ động phòng tránh bệnh sốt rét, bệnh kiết lị,...
- Có trách nhiệm trong hoạt động nhóm.

II- THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Máy chiếu, video về hình ảnh nguyên sinh vật trong một giọt nước. Hình ảnh thông tin một số bệnh do nguyên sinh vật gây ra như: amip ăn não, trùng bệnh ngủ, cầu trùng,...
- Hình ảnh một số nguyên sinh vật có lợi như: Trùng lỗ, tảo đơn bào, trùng roi sống kí sinh trong ruột mối,...
- Phiếu học tập.

2. Học sinh: Thực hiện trước ở nhà. Cá nhân thực hiện.

- Tìm hiểu về nguyên nhân, biểu hiện, con đường lây truyền và biện pháp phòng chống bệnh sốt rét.

- Tìm hiểu về nguyên nhân, biểu hiện, con đường lây truyền và biện pháp phòng chống bệnh kiết lị.

III- TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Khởi động (Mở đầu)

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS tìm hiểu về bài học.

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: Từ bài HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

d) Tổ chức thực hiện: *Gv dẫn dắt, đặt vấn đề từ câu hỏi phần khởi động:*

Ở bài 21, em đã quan sát được các sinh vật nào trong nước ao, hồ? Những sinh vật đó có đặc điểm gì? Chúng có vai trò gì trong tự nhiên và đời sống? Bài 27 ngày hôm nay chúng ta học sẽ tìm hiểu về hình thái, nhận biết một số đại diện nguyên sinh, hiểu được một số bệnh do nguyên sinh vật gây ra và các phòng tránh chúng.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới.

2.1. Nguyên sinh vật là gì?

Hoạt động 1: Tìm hiểu hình dạng đặc điểm cấu tạo của nguyên sinh vật

a) Mục tiêu: HS nhận ra đặc điểm cấu tạo, sự đa dạng về hình dạng, môi trường sống của nguyên sinh vật.

b) Nội dung: HS đọc SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: HS đưa ra được câu trả lời phù hợp với câu hỏi GV đưa ra.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
<p>* Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập GV sử dụng phương pháp trò chơi, hướng dẫn HS chơi trò Mảnh ghép hoàn hảo để nhận diện được một số nguyên sinh vật và môi trường sống của chúng. GV kết hợp hình 27.1 trong SGK để HS mô tả được cấu tạo của nguyên sinh vật. GV gợi ý, định hướng để HS thảo luận một số câu hỏi thảo luận trong SGK.</p> <p>1. Quan sát hình 27.1, em có nhận xét gì về hình dạng của nguyên sinh vật.</p> <p>2. Dựa trên hình dạng của các nguyên sinh vật trong hình 27.1, em hãy xác định tên của các sinh vật quan sát được trong nước ao, hồ ở Bài 21.</p> <p>3. Nguyên sinh vật thường sống ở những môi trường nào? Lấy ví dụ.</p> <p>4. Nêu đặc điểm cấu tạo nguyên sinh vật bằng cách gọi tên các thành phần cấu tạo được đánh số từ (1) đến (4) trong hình 27.2. Từ đó, nhận xét về tổ chức</p>	<p>1. Nguyên sinh vật là gì? <i>Tìm hiểu hình dạng đặc điểm cấu tạo của nguyên sinh vật</i></p> <p>- Nguyên sinh vật không có hình dạng cố định, chúng có nhiều kiểu hình dạng khác nhau như: hình cầu, hình giày, hình thoi,</p> <p>VD: Tên của các sinh vật quan sát được trong nước ao, hồ như Trùng roi, trùng giày, tảo.</p> <p>- Đa số nguyên sinh vật sống trong môi trường nước: trùng giày, trùng biến hình, tảo lục, tảo silic; một số loài sống kí sinh trên sinh vật khác như trùng roi.</p> <p>- Các thành phần cấu tạo được</p>

<p><i>cơ thể (đơn bào/ đa bào) của nguyên sinh vật</i></p> <p>Sau đó, GV đưa ra câu hỏi củng cố:</p> <p>* <i>Quan sát cấu tạo của một số đại diện nguyên sinh vật trong hình 27.2, em hãy cho biết những nguyên sinh vật nào có khả năng quang hợp? Giải thích.</i></p> <p>* Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS Hoạt động theo nhóm quan sát hình và trả lời câu hỏi</p> <p>* Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>GV gọi HS trả lời, HS còn lại nghe và nhận xét</p> <p>* Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>GV gợi ý HS rút ra kết luận như SGK.</p>	<p>đánh số từ (1) đến (4) trong hình 27.2: (1) Màng tế bào, (2) Chất tế bào, (3) Nhân, (4) Lục lạp.</p> <p>- Đa số nguyên sinh vật có cấu tạo cơ thể đơn bào.</p> <p>- Tảo có khả năng tự tổng hợp chất hữu cơ vì tế bào chứa lục lạp nên có khả năng quang hợp</p>
---	---

***Kết luận:**

- Nguyên sinh vật là nhóm sinh vật có cấu tạo tế bào nhân thực, kích thước hiển vi.
- Đa số cơ thể chỉ gồm 1 tế bào nhưng đảm nhận đầy đủ các chức năng của một cơ thể sống.
- Một số sinh vật có khả năng quang hợp: tảo lục, trùng roi,...
- Nguyên sinh vật đa dạng về hình dạng (hình cầu, hình thoi, hình giày,...) một số hình dạng không xác định (trùng biến hình,...)

2.2. Bệnh do nguyên sinh vật gây nên.

Hoạt động 2: Tìm hiểu về một số bệnh do nguyên sinh vật gây nên.

a) Mục tiêu: HS tìm hiểu về một số bệnh phổ biến, biểu hiện cách phòng chống bệnh có nguyên sinh vật gây nên.

b) Nội dung: HS đọc SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: HS đưa ra được câu trả lời phù hợp với câu hỏi GV đưa ra.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
<p>* Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>GV hướng dẫn để HS tìm hiểu về một số bệnh phổ biến, biểu hiện, cách phòng chống bệnh do nguyên sinh vật gây nên:</p> <p>GV sử dụng phương pháp dạy trực quan kết hợp dạy học hợp tác theo nhóm nhỏ, yêu cầu HS tìm hiểu về bệnh do nguyên sinh vật gây ra. Có thể tổ chức dạy học dự án về các bệnh phổ biến, biểu hiện, cách phòng chống bệnh do nguyên sinh vật gây ra. Qua đó, thảo luận trả lời các câu hỏi trong SGK.</p> <p>5. <i>Quan sát hình 27.3, 27.4 và hoàn thành</i></p>	<p>2. Bệnh do nguyên sinh vật gây nên</p> <p><i>a. Tìm hiểu về một số bệnh do nguyên sinh vật gây nên.</i></p> <p>Nguyên sinh vật là nguyên nhân gây ra một số bệnh ở người và động vật như: Bệnh sốt rét, kiết lị,...</p> <p><i>b. Tìm hiểu một số biện pháp phòng chống bệnh do nguyên sinh vật gây ra.</i></p> <p>Một số biện pháp phòng chống bệnh do nguyên sinh vật gây ra:</p> <p>Ngủ màn, diệt ruồi, muỗi, côn trùng,</p>

<p><i>bảng theo mẫu</i></p> <p>6, Quan sát hình 27.5, kết hợp với thông tin thực tế, em hãy nêu một số biện pháp phòng chống bệnh do nguyên sinh vật gây ra.</p> <p>Sau đó, GV đưa ra câu hỏi củng cố:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diệt ruồi, muỗi có phải là biện pháp duy nhất phòng chống bệnh sốt rét không? Vì sao? <p>* Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS Hoạt động theo nhóm đôi, quan sát hình vẽ - GV: quan sát và trợ giúp các cặp. <p>* Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>Một số HS phát biểu, bổ sung</p> <p>* Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.</p>	<p>bọ gậy</p> <p>Chỉ sử dụng thực phẩm đảm bảo an toàn vệ sinh</p> <p>Vệ sinh cá nhân sạch sẽ; vệ sinh môi trường sống và nơi công cộng</p> <p>Tuyên truyền trong cộng đồng ý thức vệ sinh môi trường, ...</p>
---	--

Tên bệnh	Nguyên nhân	Biểu hiện	Biện pháp
Bệnh kiết lị	Do trùng kiết lị gây nên	Đau bụng, tiêu chảy, phân có lẫn máu, có thể sốt	Ăn uống hợp vệ sinh, ăn chín uống sôi,...
Bệnh sốt rét	Do trùng sốt rét gây nên	Sốt cao, rét run, mệt mỏi, nôn mửa	Diệt muỗi, vệ sinh môi trường,...

*** Kết luận:**

- Nguyên sinh vật là nguyên nhân gây ra một số bệnh ở người và động vật như: Bệnh sốt rét, kiết lị,...
- Biện pháp phòng chống bệnh do nguyên sinh vật:
 - + Tiêu diệt côn trùng trung gian gây bệnh: muỗi, bọ gậy,...
 - + Vệ sinh an toàn thực phẩm: ăn chín, uống sôi; rửa tay sạch sẽ trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh; bảo quản thức ăn đúng cách...
 - + Vệ sinh môi trường xung quanh sạch sẽ, tuyên truyền nâng cao ý thức cộng đồng về bảo vệ môi trường và an toàn vệ sinh thực phẩm.

3. Hoạt động 3: Luyện tập.

- a) **Mục tiêu:** Học sinh củng cố lại kiến thức.
- b) **Nội dung:** HS sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.
- c) **Sản phẩm:** HS làm các bài tập.
- d) **Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS hoàn thiện bài tập :

Câu 1. Sinh vật nào sau đây không thuộc nhóm nguyên sinh vật?

- A. Trùng roi.
- B. Trùng kiết lị.
- C. Trực khuẩn thể.
- D. Tảo lục đơn bào

Câu 2. Hãy sử dụng các từ gợi ý: sinh vật, đơn bào, đa bào, tự dưỡng, dị dưỡng, nhân thực, nguyên sinh, tế bào, phân bố để hoàn thành đoạn thông tin sau:

Nguyên sinh vật có cơ thể cầu tạo chỉ gồm một (1) .. Chúng xuất hiện sớm nhất trên hành tinh của chúng ta. Nguyên sinh vật (2) ... ở khắp nơi: trong đất, trong nước, trong không khí và đặc biệt là trên cơ thể (3)... khác. Trùng giày thuộc giới (4)... là những sinh vật (5) đơn bào, sống (6)... tảo thuộc giới

Nguyên sinh là những sinh vật nhân thực (7)... hoặc (8)... sống (9)...

Câu 3. Vẽ sơ đồ thể hiện con đường truyền bệnh kiết lị và biện pháp phòng chống.

- HS làm bài tập, trình bày sản phẩm

- GV nhận xét , đánh giá :

Câu 1. Đáp án C.

Câu 2.

(1) tế bào	(2) phân bố
(3) sinh vật	(4) nguyên sinh
(5) nhân thực	(6) dị dưỡng
(7) đơn bào	(8) đa bào
(9) tự dưỡng	

Câu 3. Trùng kiết lị -> thức ăn -> cơ quan tiêu hoá ở cơ thể người và gây bệnh.

4. Hoạt động 4: Vận dụng.

a) **Mục tiêu:** Học sinh được củng cố lại kiến thức thông qua bài tập ứng dụng.

b) **Nội dung:** HS sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

c) **Sản phẩm:** HS làm các bài tập.

d) **Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS thực hiện câu hỏi vận dụng:

Tại sao chúng ta cần nấu chín thức ăn, đun sôi nước uống, rửa sạch các loại thực phẩm trước khi sử dụng?

- GV nghe HS phát biểu và nhận xét:

Nấu chín thức ăn, đun sôi nước uống, rửa sạch các loại thực phẩm trước khi sử dụng nhằm tiêu diệt các loại nguyên sinh vật và vi khuẩn gây bệnh.

* **Hướng dẫn về nhà:**

- Học bài cũ, giải bài tập cuối bài.

- Chuẩn bị tiết sau: Bài 28: “Nấm”.

V. HỒ SƠ DẠY HỌC (Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)

Phê duyệt của nhà trường

Giáo viên giảng dạy

Lê Thị Mận